CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công

Ngày 31/12/2025	26,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.0%	**-7.2%**	**-**

DT thuần
Q4/25
858
tỷ VNĐ
QoQ: ▼44.0| -4.9%
YoY: ▼67.0| -7.2%

LN thuần
Q4/25
57.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.0| -27.6%
YoY: ▼27.3| -32.1%

LN sau thuế
Q4/25
46.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.3| -27.0%
YoY: ▼15.0| -24.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
10.4%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE
2025
11.4%
YoY: +/-▼ 1.5%

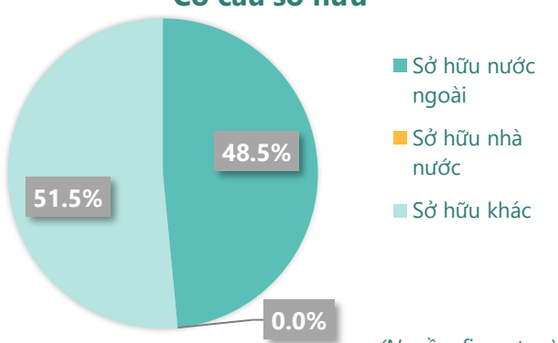
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	24,798 - 42,164
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,980
Số lượng CPLH (CP)	112,038,755
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,164,010
Sở hữu nước ngoài	48.5%
Beta	0.38
EPS	2,402
P/E	11.1

DT thuần
2025
3,644
tỷ VNĐ
YoY: ▼166| -4.4%

LN thuần
2025
339
tỷ VNĐ

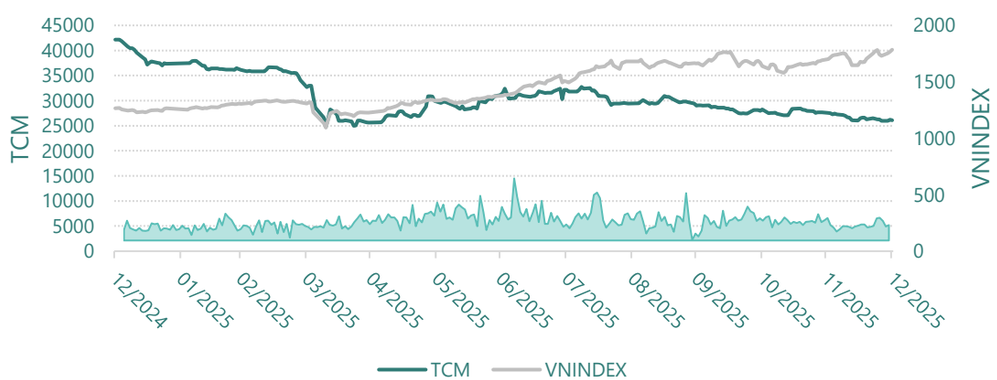
LN sau thuế
2025
271
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -2.4%

Cơ cấu sở hữu

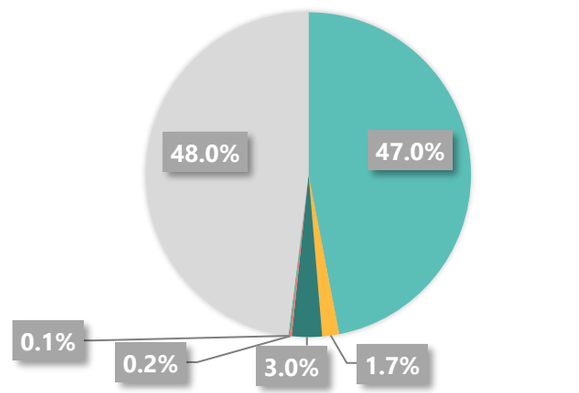


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



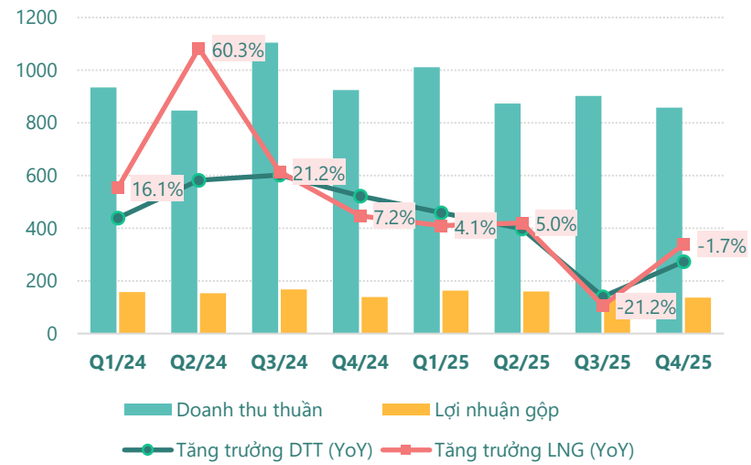
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

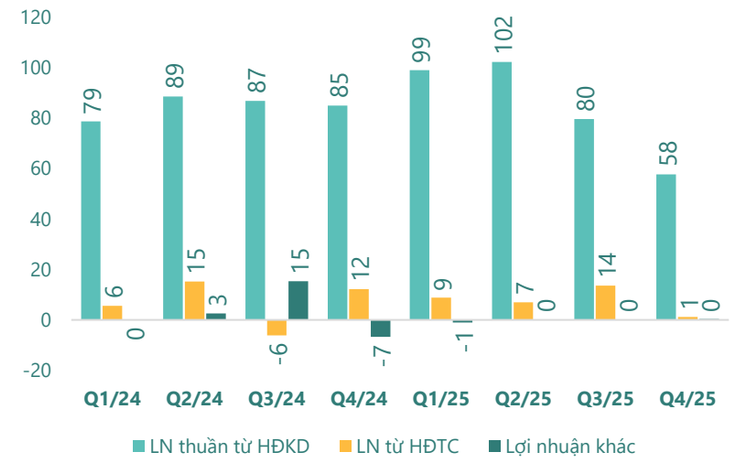
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



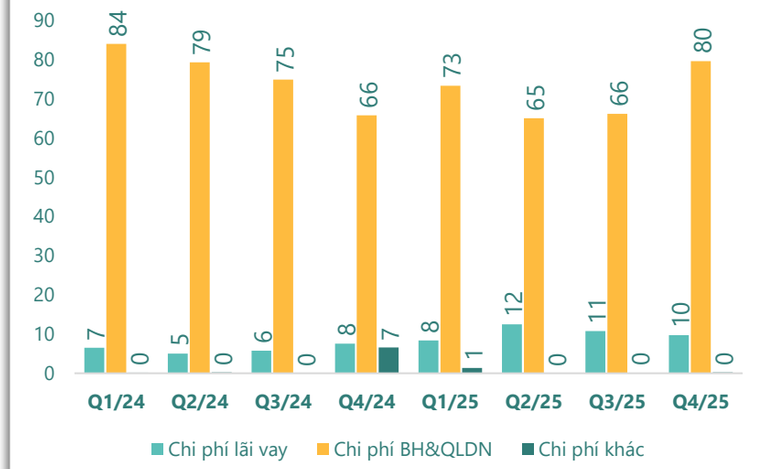
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



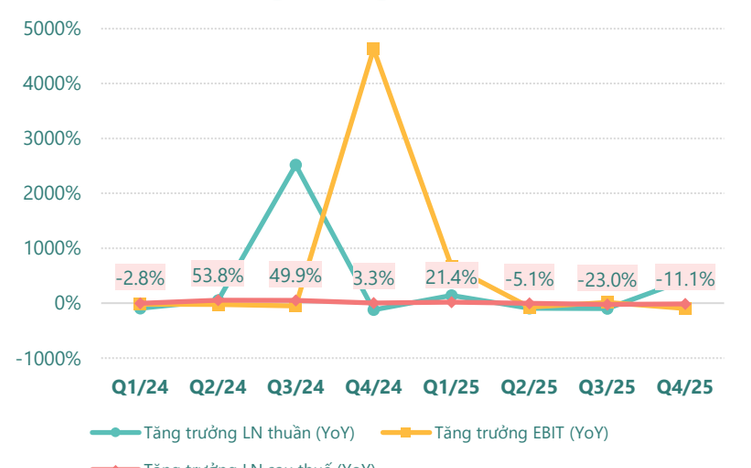
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



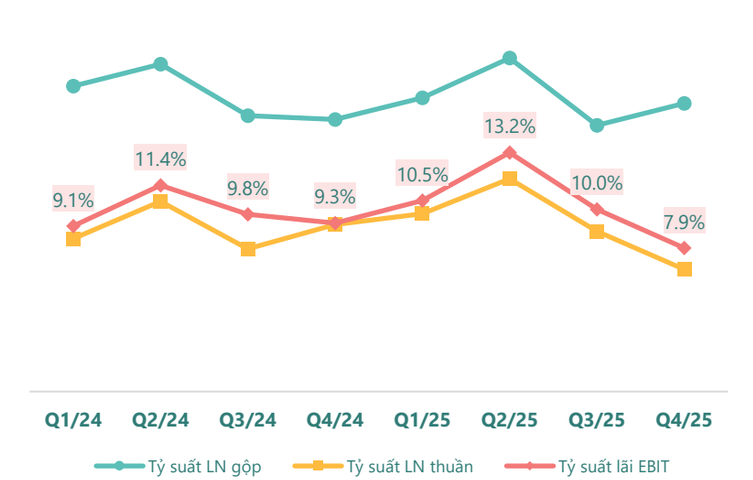
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



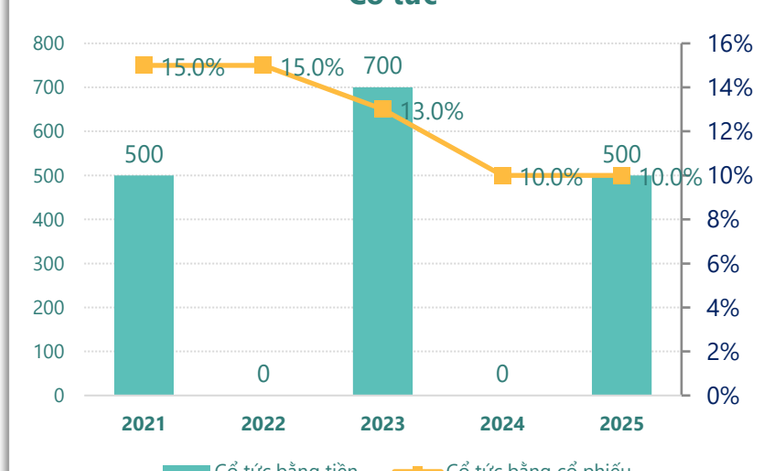
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

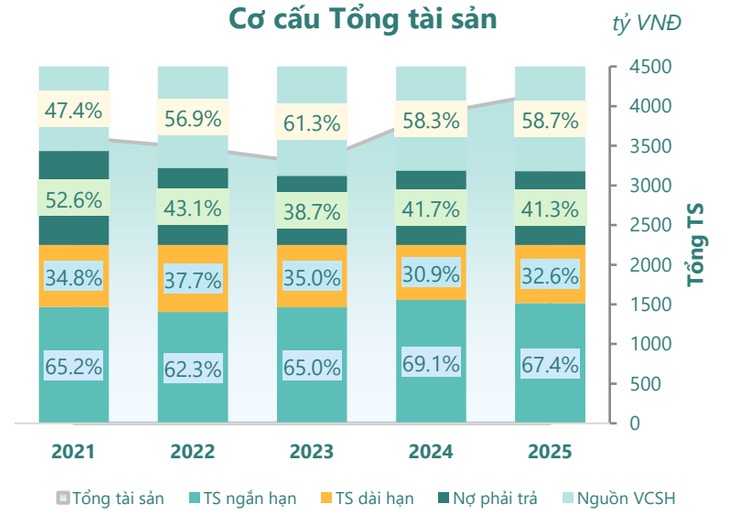
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

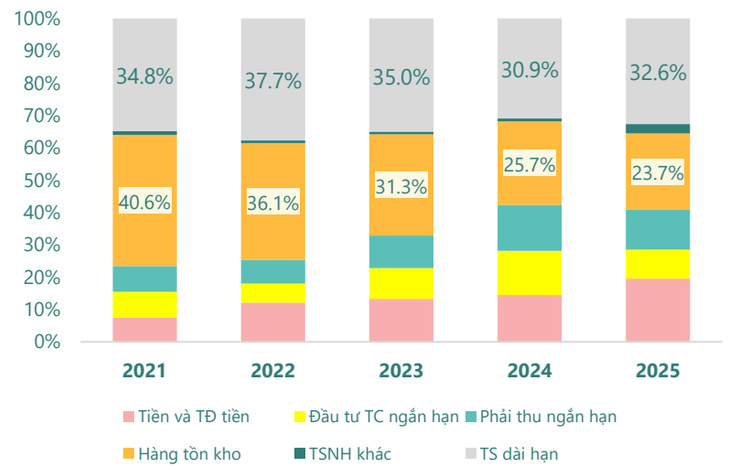
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



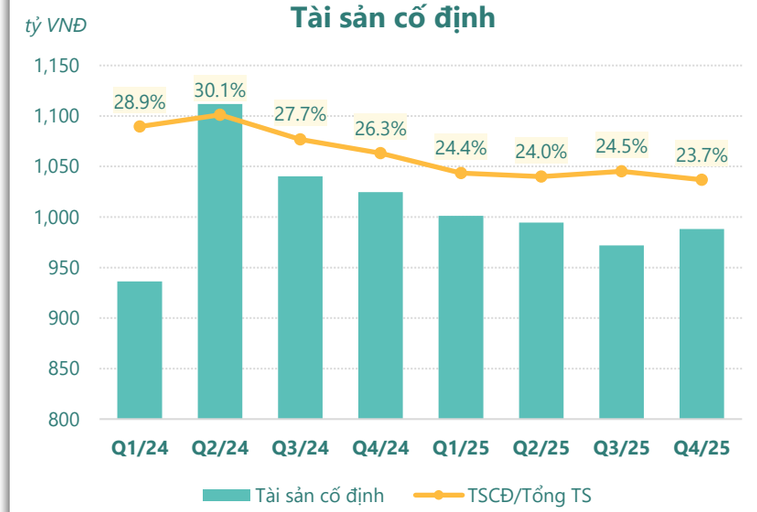
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



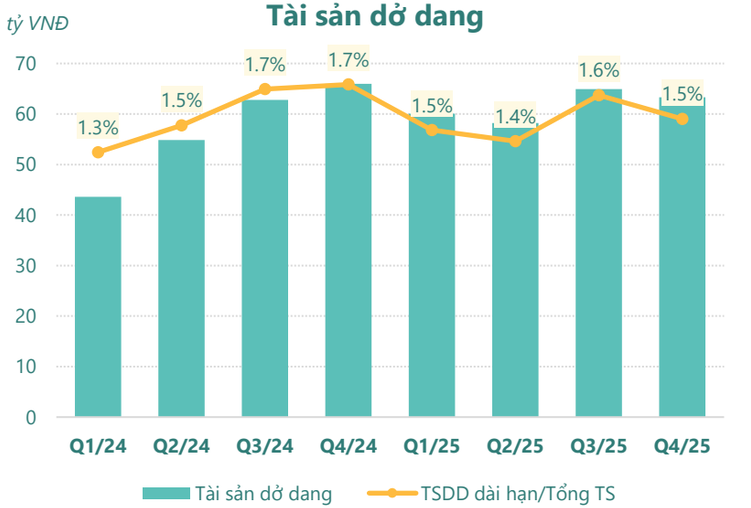
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



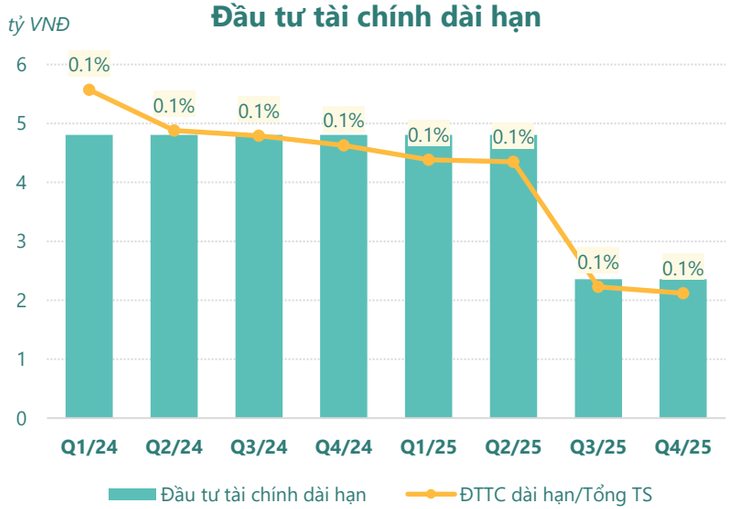
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



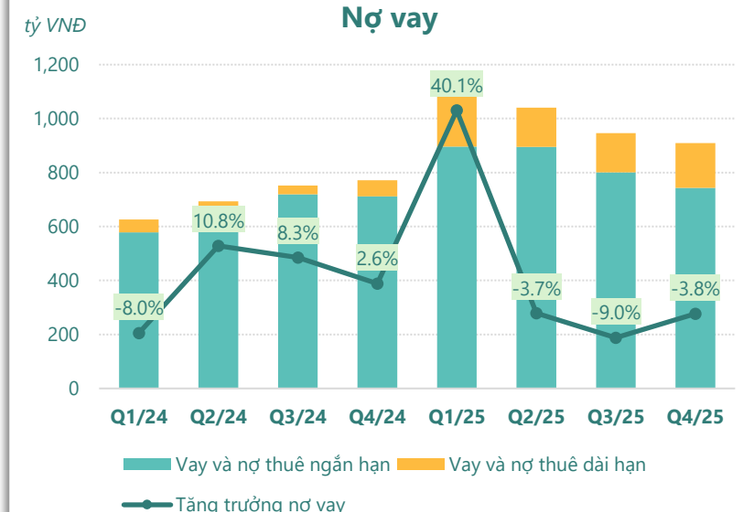
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

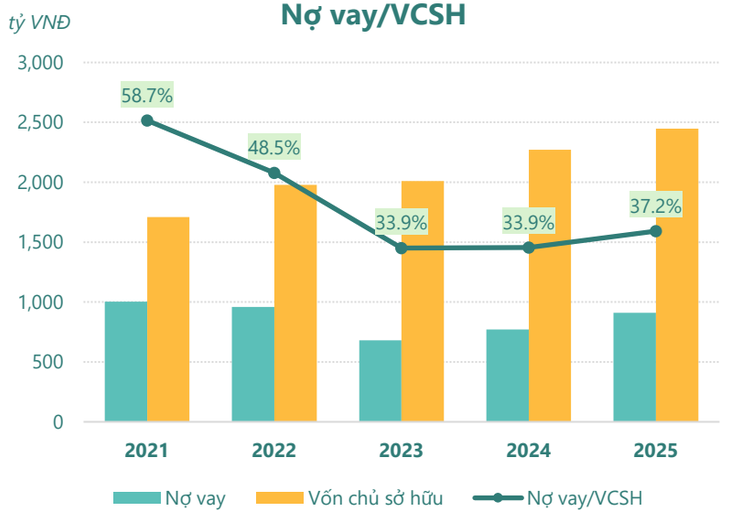
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

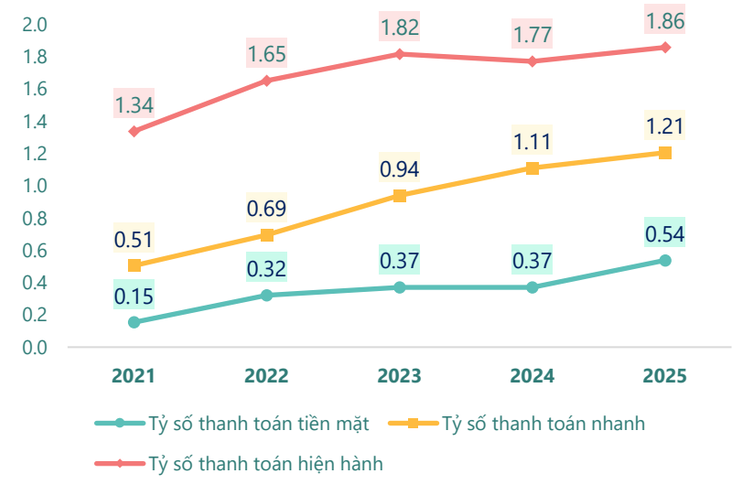
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



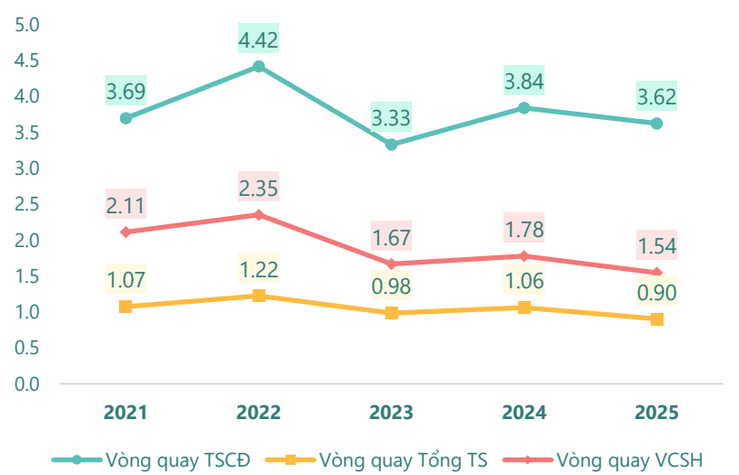
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



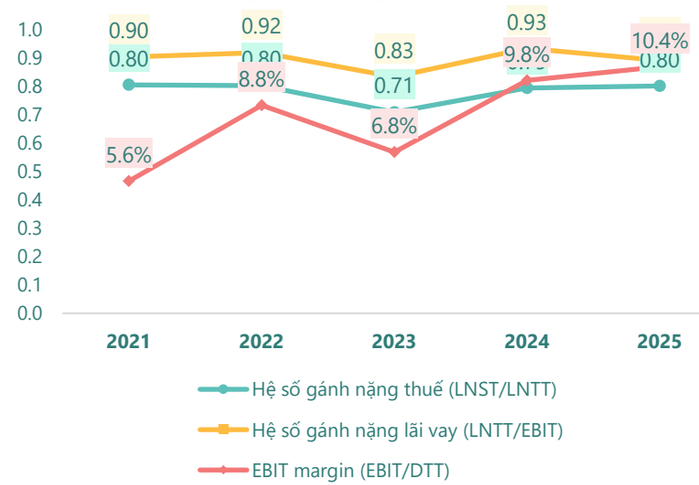
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



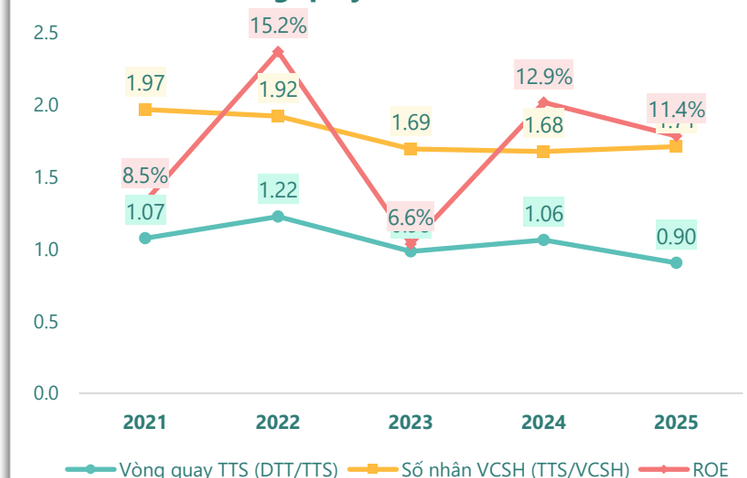
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



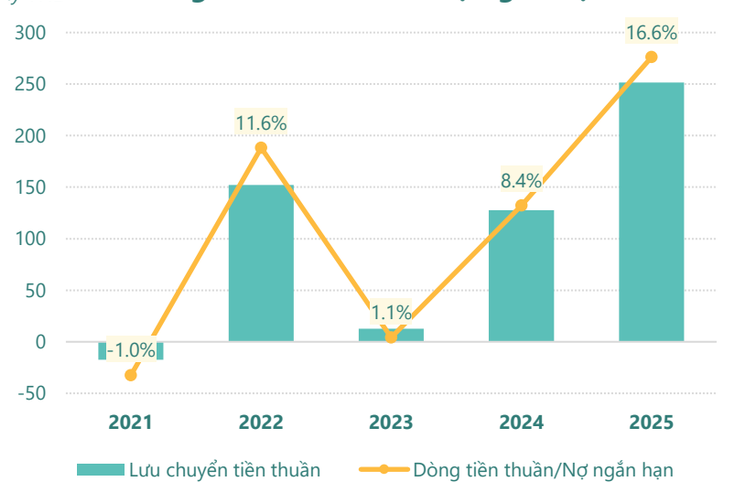
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**858**	**925**	**-7.2%**	**3,644**	**3,810**	**-4.4%**
Giá vốn hàng bán	722	786	-8.2%	3,052	3,194	-4.5%
Lợi nhuận gộp	136	139	-1.9%	593	617	-3.9%
Doanh thu HĐTC	13.4	26.1	-48.5%	91.5	91.5	0.0%
Chi phí TC	12.3	13.9	-11.4%	60.9	64.7	-5.8%
Chi phí lãi vay	9.75	7.55	29.2%	41.4	24.9	66.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.09**	**0**	
Chi phí bán hàng	43.4	37.2	16.7%	146	154	-5.4%
Chi phí QLDN	**36.2**	**28.6**	**26.6%**	**138**	**150**	**-7.6%**
LN thuần từ HĐKD	57.8	85.1	-32.1%	339	339	-0.1%
Lợi nhuận khác	**0.33**	**-6.77**	**105%**	**-0.49**	**11.0**	**-104%**
LN trước thuế	58.1	78.3	-25.8%	339	350	-3.4%
Lợi nhuận sau thuế	**46.7**	**61.7**	**-24.2%**	**271**	**278**	**-2.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**46.0**	**60.9**	**-24.4%**	**269**	**276**	**-2.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	189	86.5	-248	51.3	102	330
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-157	-72.1	155	-15.4	1.94	-167
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.3	18.9	266	-97.6	-96.4	-30.0
Tiền đầu kỳ	442	530	563	737	677	683
Lưu chuyển tiền thuần	**90.1**	**33.2**	**173**	**-61.7**	**7.51**	**133**
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.16	0.56	0.63	2.16	-1.69	-1.69
Tiền cuối kỳ	530	563	737	677	683	814

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,171**	**3,896**	**7.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,811	2,690	4.5%
Tiền và tương đương tiền	814	563	44.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	376	533	-29.5%
Phải thu ngắn hạn	511	556	-8.1%
Hàng tồn kho	987	1,003	-1.5%
Tài sản ngắn hạn khác	123	35.2	248%
Tài sản dài hạn	**1,360**	**1,205**	**12.8%**
Phải thu dài hạn	0.17	0.36	-53.5%
Tài sản cố định	988	1,025	-3.6%
Bất động sản đầu tư	2.24	2.31	-3.0%
Tài sản dở dang	63.3	65.9	-4.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.36	4.81	-50.9%
Tài sản dài hạn khác	**304**	**107**	**183%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,724	1,624	6.2%
Nợ ngắn hạn	**1,513**	**1,518**	**-0.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	743	712	4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	402	479	-16.0%
Nợ dài hạn	211	106	100%
Vay và nợ thuê dài hạn	166	59.6	179%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,447**	**2,272**	**7.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,447**	**2,272**	**7.7%**
Vốn điều lệ	1,121	1,020	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)